

しゅるい 種類	のぞ じき 望ましい時期	かいすう 回数	かんかく 間隔
ポリオ えきたい の (液体を飲みます)	せいご かげつ さい かげつ 生後3ヶ月～1歳6ヶ月ごろ	かい 2回	4～6 週
DPT D:ジフテリア P:百日咳 T:破傷風	き せいご かげつ さい かげつ 1期:生後3ヶ月～2歳6ヶ月ごろ き 2期(DTのみ): 11歳	かい 4回 かい 1回	3～8 週 あけて3回 4回目は1年後
ましん ふうしん 麻疹・風疹 (MR)	き さい さい 1期: 1歳～2歳 き さい さいみまん しょうがっこうしゅうがくまえ 1ねんかん 2期: 5歳～7歳未満で小学校就学前の1年間	かい 2回	
BCG	せいご かげつ かげつ 生後3ヶ月～6ヶ月	かい 1回	

Một ví dụ về kế hoạch tiêm chủng dự phòng tại Nhật

Chủng loại	Thời kỳ tiêm thích hợp	Số lần	Khoảng cách giữa các lần
Vaccin phòng bại liệt (Vaccin uống)	Từ 3 tháng tuổi đến 1 tuổi 6 tháng	2 lần	4 đến 6 tuần
DPT(Vaccin tổng hợp) D:Bạch hầu P:Ho gà T:Uốn ván	Kỳ 1: Từ 3 tháng tuổi đến 2 tuổi 6 tháng Kỳ 2 (chỉ có tiêm vaccin DT): 11 tuổi	4 lần 1 lần	Trong 3 lần đầu khoảng cách giữa các lần là 3 đến 8 tuần Lần thứ 4 sau đó 1 năm
Vaccin phòng sởi,Rubella (MR)	Kỳ 1: Từ 1 đến 2 tuổi Kỳ 2: Từ 5 đến 7 tuổi, tiêm chủng trước khi nhập tiểu học	2 lần	
Vaccin phòng lao(BCG)	Từ 3 đến 6 tháng tuổi	1 lần	